

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 02/3/2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Bích Ngọc

2. Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 02 và ngày 02 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2025/TLST -DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐST-DS, ngày 11 Tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Trụ sở chính: Toà nhà T, số M, phường T, thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiệu Ánh D, chức vụ: Trưởng Phòng Xử lý nợ. Theo Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024.

Người được uỷ quyền lại: Ông Bùi Văn M, chức vụ: Cán bộ - Ngân hàng TMCP P. Theo Văn bản uỷ quyền số 760.01/2024/UQ-OCB ngày 04/11/2024. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ B, khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nay là tổ B, ấp L, xã K, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Bùi Văn M đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang trình bày, yêu cầu như sau:

Ngày 25/04/2019 ông Dương T có ký Hồ sơ đề nghị vay vốn kiêm thỏa thuận cho vay và đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng Com-B số SLLTS800273638 với Ngân hàng TMCP P – chi nhánh Kiên Giang (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 31.650.000 đồng mục đích vay mua sắm phương tiện đi lại, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 42%/năm, lãi quá hạn 150% trên lãi suất vay, lãi chậm trên lãi chậm trả là 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 31.650.000 đồng cho ông T theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông T đã trả cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc 8.644.731 đồng và tiền lãi 2.031.269 đồng. Sau đó ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, gửi thông báo yêu cầu ông Dương T thực hiện nghĩa vụ nhưng ông T không thực hiện. Theo đó, ông T đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên ngày 01/11/2024 Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông T trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 01/11/2024 là 111.652.301 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 79.216.350 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, ông Bùi Văn M đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Dương T trả tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử (24/02/2026) là 131.952.206 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đến khi trả xong nợ.

- Đối với ý kiến của ông Dương T:

Toà án đã tiến hành các thủ tục giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Dương T đã nhận được và biết được việc Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang khởi kiện ông tại Tòa án. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt tại Tòa án và cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án vẫn còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang số tiền 131.952.206 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn

9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng.
Về án phí: ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang khởi kiện ông Dương T, bị đơn ông T có nơi cư trú Tổ B, khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, nay là tổ B, ấp L, xã K, tỉnh An Giang nên khi có phát sinh tranh chấp vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang yêu cầu ông Dương T trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng. Do đó quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Dương T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Dương T trả số tiền nợ tín dụng tính đến ngày xét xử (ngày 24/02/2026) là 131.952.206 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng số SLLTS800273638 ngày 25/04/2019 đến khi trả xong nợ.

Nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang đã cho ông T vay vốn theo hợp đồng tín dụng số SLLTS800273638 ngày 25/04/2019. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P là một ngân hàng thương mại cổ phần thuộc khối ngân hàng tư nhân, là tổ chức tín dụng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang được thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 98 Luật các tổ chức tín

dụng năm 2010. Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang và ông T có thỏa thuận cho vay thông qua hợp đồng tín dụng số SLLTS800273638 ngày 25/04/2019, phía Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang đã giải ngân cho ông T vay số tiền 31.650.000 vào ngày 25/04/2019. Ông T đã nhận đủ tiền vay và đã thực hiện trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng được số tiền gốc 8.644.731 đồng và tiền lãi 2.031.269 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay đã thỏa thuận với Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, ông T phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc tiền vay 23.005.269 đồng và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về tiền lãi và mức lãi suất được Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang và ông T thỏa thuận tại Điều 2 trong hợp đồng tín dụng số SLLTS800273638 ngày 25/04/2019 thông qua tin nhắn thông báo mức lãi suất cho ông T với mức lãi suất trong hạn là 42%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi chậm trả là 10%/năm. Mức lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang áp dụng cho vay đối với ông T phù hợp với quy định Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN và Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, ông T phải trả tiền lãi cho Ngân hàng được tính đến ngày xét xử (ngày 24/02/2026) với tiền lãi trong hạn là 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng, tổng số tiền lãi là 108.946.937 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử (ngày 24/02/2026) ông T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang là 131.952.206 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 131.952.206 đồng nên phải chịu án phí giá ngạch 5% với số tiền là 6.597.610 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang được chấp nhận yêu cầu nên được trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 4, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc: Ông Dương T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang số tiền 131.952.206 đồng trong đó nợ gốc 23.005.269 đồng, lãi trong hạn 9.430.682 đồng, lãi quá hạn là 93.676.843 đồng, lãi trên lãi quá hạn là 5.839.412 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/02/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh lại tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Dương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.597.610 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh Kiên Giang được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.791.307 đồng theo lai thu số 00019437 ngày 18/02/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện K, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – An Giang.

3. Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/3/2026). Bị đơn ông Toàn được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 8;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 8;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Giang Phước Thành